

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/DS-ST
Ngày 08 - 11 - 2019
“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Võ Hồng N, sinh năm 1964;

2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông T: Anh Nguyễn Dương L, sinh năm 1994; (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Phạm Văn C; (vắng mặt)

2. Bà Đinh Thị H; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Văn C và bà Đinh Thị H có tham gia các dây hụi do bà N và ông T làm đầu thảo như sau:

+ Dây hụi mở ngày 15/02/2012 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 31 phần, ông C, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 15/3/2012 âl, ông C, bà H bỏ hụi hốt lĩnh được 18.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông C, bà H không đóng hụi chết cho bà N, ông T tính đến thời điểm mãn hụi ông C, bà H còn nợ 29 kỳ hụi chết bằng 29.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 15/7/2012 âl, loại hụi 500.000 đồng, tháng khai hai lần, gồm 31 phần, ông C, bà H tham gia 01 phần. Lần mở hụi đầu tiên ông C, bà H bỏ hụi hốt lĩnh được 10.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông C, bà H không đóng hụi chết cho bà N, ông T tính đến thời điểm mãn hụi ông C, bà H còn nợ 30 kỳ hụi chết bằng 15.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 30/8/2013 âl, loại hụi 500.000 đồng, tháng khai hai lần, gồm 41 phần, ông C, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 30/10/2013 âl, ông C, bà H bỏ hụi hốt lĩnh được 14.325.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông C, bà H đóng được 02 kỳ hụi chết cho bà N, ông T tính đến thời điểm mãn hụi ông C, bà H còn nợ 35 kỳ hụi chết bằng 17.500.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 30/8/2014 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 34 phần, ông C, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 30/9/2014 âl, ông C, bà H bỏ hụi hốt lĩnh được 39.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông C, bà H không đóng hụi chết cho bà N, ông T tính đến thời điểm mãn hụi ông C, bà H còn nợ 32 kỳ hụi chết bằng 64.000.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2015 âl ông C, bà H mượn của bà N, ông T 01 chung hụi mở ngày 15/01/2014 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 31 phần, ông C, bà H bỏ hụi hốt ngày 15/7/2015 âl với số tiền lĩnh được 52.500.000 đồng. Đối với phần hụi ông C, bà H mượn thì ông C, bà H còn nợ lại bà N, ông T 62.000.000 đồng.

Tổng các khoản hụi ông C, bà H nợ là 187.500.000 đồng. Sau đó, ông C, bà H đã trả được 29.325.000 đồng và còn nợ lại 158.175.000 đồng. Bà N, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà H trả lại số tiền này nhưng ông C và bà H không thực hiện việc trả nợ. Nay, anh L yêu cầu ông C và bà H trả cho bà N và ông T tổng số tiền hụi còn nợ là 158.175.000 đồng.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2019 ông Phạm Văn C và bà Đinh Thị H trình bày: Ông C và bà H có tham hụi do bà N và ông T làm đầu thảo, cụ thể:

+ Dây hụi mở ngày 15/02/2012 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 31 phần, ông bà có tham gia 01 phần và đã hốt hụi. Ông C và bà H xác định chung hụi này ông bà còn nợ bà N và ông T 29.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 15/7/2012 ăl, loại hụi 500.000 đồng, tháng khai hai lần, gồm 31 phần, ông bà có tham gia 01 phần và đã hốt hụi. Ông C và bà H xác định chung hụi này ông bà còn nợ bà N và ông T 15.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 30/8/2013 ăl, loại hụi 500.000 đồng, tháng khai hai lần, gồm 41 phần, ông bà có tham gia 01 phần và đã hốt hụi. Ông C và bà H xác định chung hụi này ông bà còn nợ bà N và ông T 17.500.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 30/8/2014 ăl, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 34 phần, ông bà có tham gia 01 phần và đã hốt hụi. Ông C và bà H xác định chung hụi này ông bà còn nợ bà N và ông T 64.000.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2015 ăl ông bà có mượn của bà N và ông T 01 chung hụi mở ngày 15/01/2014 ăl, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 31 phần, ông bà đã bỏ hụi hốt vào ngày 15/7/2015 ăl. Đối với phần tiền hụi mượn ông C, bà H xác định còn nợ bà N và ông T 62.000.000 đồng.

Nay, ông C và bà H đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T và bà N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T. Buộc ông C và bà H trả cho ông T và bà N số tiền hụi 158.175.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà N không phải chịu; ông C và bà H được miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn C và bà Đinh Thị H có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C và bà H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo danh sách hụi do bà N và ông T cung cấp thể hiện ông C, bà H có tham gia hụi trong các dây hụi, 01 chung loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/02/2012 ăl, 01 chung loại hụi 500.000 đồng mở ngày 15/7/2012 ăl, 01 chung loại hụi 500.000 đồng mở ngày 30/8/2013 ăl, 01 chung loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/8/2014 ăl và mượn 01 chung hụi loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2014 ăl do bà N và ông T làm chủ hụi là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày cũng như trình bày của bà N và ông T tại đơn khởi kiện xác định tổng các

khoản nợ hui ông C và bà H nợ đến khi mãn hui là 187.500.000 đồng, ông C và bà H đã trả được 29.325.000 đồng và còn thiếu lại 158.175.000 đồng. Xét thấy lời trình bày của anh L tại phiên tòa cũng như bà N và ông T xác định phù hợp với lời trình bày thừa nhận nợ của ông C và bà H tại biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2019 của Tòa án đối với ông C và bà H. Từ đó, có căn cứ xác định ông C và bà H có tham gia hui và mượn hui của bà N và ông T và còn nợ lại bà N và ông T số tiền 158.175.000 đồng, nên yêu cầu của bà N và ông T là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông C và bà H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (ông C và bà H có đơn yêu cầu xem xét miễn án phí do ông C và bà H thuộc diện được miễn án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử xét miễn nộp toàn bộ án phí dân sự cho ông C và bà H).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T. Buộc ông Phạm Văn C và bà Đinh Thị H trả cho bà N và ông T số tiền hui là 158.175.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà N và ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C và bà H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông C và bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông C và bà H; bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà N và ông T 1.977.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009650 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bà N và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C và bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng